

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HS-ST
Ngày 16-5-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Hiếu.

Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Văn Công T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1994 tại tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 8, ấp T, xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Công A và bà Nguyễn Thị X; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 27/QĐ-CSĐT-TH ngày 24/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N. Bị cáo có mặt.

2. Võ Văn B, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1998 tại tỉnh Quảng Trị. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hà Thanh, xã G, huyện G1, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 26/QĐ-CSĐT-TH ngày 24/01/2019 của Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện N. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn Gạch men B.

Địa chỉ: Đường số 3, khu công nghiệp N 1, xã Phú Hội, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung Ngọc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Kim T– Chức vụ: Trưởng phòng hành chính nhân sự.

Địa chỉ: 12B đường 8, khu phố 4, phường T, quận T1, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2019).

(Đại diện công ty vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/01/2019, Võ Văn B và Văn Công T là thủ kho làm cùng tại công ty TNHH gạch men B ở khu công nghiệp 1 N đi dọn dẹp kho chứa vật tư tái sử dụng thì thấy có một số dây điện đồng đã cắt sẵn dài khoảng 5m đến 6m nên T rủ B lấy trộm đem ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài, B đồng ý.

Đến 18 giờ ngày 09/01/2019, B và T đi vào kho vật tư tái sử dụng lấy 01 cuộn dây điện đồng dài khoảng 5m đến 6m, rồi lấy dao rọc giấy tại kho cắt bỏ vỏ bọc vào bao bì màu vàng lấy tại kho và đem cất giấu ở phía sau đường mương của công ty, B và T thống nhất với nhau là 21 giờ cùng ngày sẽ mang dây điện đồng ra ngoài bán. Sau đó, B về làm việc B thường, còn T thì tan ca về trước. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, B đi ra phía sau đường mương nơi cất giấu dây điện đồng để đưa ra hàng rào cho T mang đi bán, khi B mang ra gần đến hàng rào thì T nhắn tin điện thoại cho B báo có bảo vệ. Lúc này, B giấu bao dây đồng phía sau cục nóng máy lạnh sau văn phòng rồi vào kho tiếp tục làm việc. Đến 01 giờ 15 phút ngày 10/01/2019, T gọi điện cho B nói đưa bao dây điện đồng ra ngoài như hẹn trước cho T lấy. B ra cục nóng máy lạnh để lấy dây điện thì phát hiện có người nên B núp vào phía sau cục nóng máy lạnh. Lúc này, anh Nguyễn Kim T1, Trần Anh T, Nguyễn Hồng Hoa, Nguyễn Minh Hùng là bảo vệ công ty TNHH gạch men B phát hiện bắt quả tang B và giao cho Công an Đoàn khu công nghiệp xử lý, sau đó chuyển hồ sơ ban đầu cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

Đến ngày 11/01/2019, T biết B đã bị bắt giữ nên T ra đầu thú và khai nhận về toàn bộ hành vi trộm cắp của mình.

Tang vật vụ án gồm:

+ 30kg dây điện đồng (đã trả lại cho đại diện công ty TNHH Gạch men B).

+ 01 cái bao bố màu vàng.

+ 01 điện thoại di động Iphone 6s, 01 điện thoại Samsung J3.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KLĐG- HĐĐG ngày 15/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N đã kết luận 30 kg dây điện đồng (dạng phế liệu) trị giá 3.150.000 đồng (Ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 21/CT.VKS-NT ngày 27/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Văn Công T và Võ Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T từ 04 đến 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo B từ 04 đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi trả lại cho công ty TNHH gạch men B, công ty không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại nên không xét.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6s của Võ Văn B và 01 điện thoại di động Samsung J3 của Văn Công T là những phương tiện dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Tòa án tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 cái bao bố màu vàng.

Các bị cáo Văn Công T và Võ Văn B không có ý kiến gì đối về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa:

- Bị cáo Văn Công T: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Võ Văn B đã biết ăn năn về hành vi phạm tội của mình, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Văn Công T và Võ Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 09/01/2019, tại Công ty trách nhiệm hữu hạn gạch men B thuộc khu công nghiệp N 1, xã Phú Hội, huyện N, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Văn Công T và Võ Văn B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 30kg dây điện đồng (dạng phế liệu) có giá trị là 3.150.000 đồng (Ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) của Công ty trách nhiệm hữu hạn gạch men B thì bị phát hiện bắt giữ.

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận các bị cáo Văn Công T và Võ Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để tiêu xài nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ:

Tại phiên Tòa, các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên các bị cáo T và B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo T đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người rủ rê, bị cáo B là người tích cực thực hiện hành vi nên vai trò của các bị cáo là ngang nhau và cần có mức án nghiêm, xử phạt bị cáo để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có

nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo T, B mức án tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi trả lại cho công ty TNHH gạch men B, công ty không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp: Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6s của Võ Văn B và 01 điện thoại di động Samsung J3 của Văn Công T là những phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 cái bao bố màu vàng.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Văn Công T và Võ Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Văn Công T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Võ Văn B 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Võ Văn B cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G1, tỉnh Quảng Trị nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

5. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6s của Võ Văn B và 01 điện thoại di động Samsung J3 của Văn Công T. Tịch thu tiêu hủy 01 bao bố màu vàng.

(Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện N đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/4/2019).

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Văn Công T và Võ Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty trách nhiệm hữu hạn gạch men B được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang